TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HS-ST
Ngày: 25-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Ngọc Điệp

Bà Vòng Cảnh Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày18 và 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 209/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2022/QĐXXST-HS ngày 01/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bình Dương. Nơi cư trú: Số G, đường N, Tổ F, Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đái Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc B; có vợ là Đỗ Thị T1 và có 02 người con; tiền án: Ngày 26/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2021 cho đến nay; có mặt.

2. Đỗ Thị T1, sinh năm 1993 tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Số G, đường N, Tổ F, Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Q và bà Phạm Thị C; có chồng là Nguyễn Ngọc T và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2021 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Công ty T8;

Trụ sở: Tầng G, 08 và 10 Toà nhà Phụ nữ, số B N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Quang K – Chuyên viên an ninh Công ty là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023); có mặt.

2. Công ty T9;

Trụ sở: Tầng 23, Trung tâm thương mại S, số C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông OH TAEJOON – Tổng giám đốc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Công ty TNHH Một thành viên T10;

Trụ sở: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn B1 – Chủ tịch công ty; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Trương Thành P, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1971; địa chỉ: Số G, Khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. Công ty T11 JACCS;

Trụ sở: Lầu 15, Tòa nhà C1, số G N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Sỹ H1 – Nhân viên Công ty là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2023); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Anh Đoàn Văn K1, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Đương; vắng mặt.

6. Anh Lưu Ngọc D, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; vắng mặt.

7. Anh Bùi Phi Hồng T3, sinh năm 1991; địa chỉ: Số H V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

8. Anh Trần Quốc H2, sinh năm 1988; địa chỉ: Số F, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Bích P1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

10. Chị Bùi Thị Kim Y, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

11. Chị Lê Thị T4, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

12. Chị Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

13. Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

14. Chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

15. Chị Lê Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

16. Chị Lê Thị Thùy D2, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

17. Chị Võ Thị Minh N1, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Tiến N2; vắng mặt;

2. Chị Lương Thùy Phương M1; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thị T1 và Nguyễn Ngọc T là vợ chồng; trong khoảng thời gian từ ngày 20/5/2018 đến ngày 16/6/2019, T đã thực hiện các hành vi sau đây đối với Công ty T8 (viết tắt là Công ty T8):

Ngày 20/5/2018, T mang theo giấy chứng minh nhân dân (viết tắt là giấy CMND) số: 280302288 của anh Trương Thành P đã được T thay ảnh của T đến Cửa hàng Thế giới di động, địa chỉ tại số C, Đại lộ B, phường P, thành phố T ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 3802191036 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 9.016.000 đồng.

Ngày 29/6/2018, T mang theo giấy CMND số: 280302288 của anh Đoàn Văn K1 đã được T thay ảnh của T đến Cửa hàng Thế giới di động, địa chỉ tại số B, khu phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 3802771469 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 6.173.000 đồng.

Ngày 24/7/2018, T mang theo giấy CMND số: 174282366 và Giấy phép lái xe số AN041790 của anh Lưu Ngọc D đã được T thay ảnh của T đến Cửa hàng điện thoại Nhung Thịnh P2, địa chỉ tại số A, đường T, phường H, thành phố T và ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 3803120919 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 5.349.000 đồng.

Ngày 12/3/2019, T mang theo giấy CMND số: 273555858 của anh Bùi Phi Hồng T3 đã được T thay ảnh của T đến Cửa hàng Thế giới di động, địa chỉ tại số E, Khu Dân cư T, phường T, thành phố T ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 3906742732 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 14.415.000 đồng.

Ngày 16/6/2019, T mang theo giấy CMND dân số: 280015061 và Giấy phép lái xe số AN859547 của anh Trần Quốc H2 đã được T thay ảnh của T đến Cửa hàng T12, địa chỉ tại số B, khu phố T, phường A, thành phố T ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 3908517190 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 14.416.000 đồng.

Tổng cộng T đã chiếm đoạt của Công ty T8 số tiền 49.369.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/6/2018 đến ngày 13/01/2021, Đỗ Thị T1 đã thực hiện các hành vi sau đây đối với Công ty T8:

Ngày 06/6/2018, T1 mang theo giấy CMND số: 280052846 của chị Nguyễn Bích P1 đã được T1 thay ảnh của T1 đến Cửa hàng T12, địa chỉ tại số A đường H, phường P, thành phố T ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 3802431909 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 5.706.000 đồng.

Ngày 06/6/2018, T1 mang theo Giấy phép lái xe số: 741178009117 của chị Bùi Thị Kim Y đã được T1 thay ảnh của T1 đến Công ty T13, địa chỉ tại số A, khu phố B, phường T, thị xã B ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 4005416456 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 45.294.000 đồng.

Ngày 29/8/2020, T1 mang theo Căn cước công dân số: 331593226 của chị Lê Thị T4 đã được T1 thay ảnh của T1 đến Cửa hàng T12, địa chỉ tại số B, khu phố T, phường A, thành phố T ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 3800552201 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 8.054.000 đồng.

Ngày 29/8/2019, T1 mang theo giấy CMND số: 353726988 của chị Nguyễn Thị Trúc M đã được T1 thay ảnh của T1 đến Cửa hàng di động, địa chỉ tại số B, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương và ký kết Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 4100207282 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 16.582.000 đồng.

Ngày 19/10/2020, T1 mang theo giấy CMND số: 245251696 của chị Nguyễn Thị D1 đã được T1 thay ảnh của T1 đến Cửa hàng T12, địa chỉ số A, đường H, phường P, thành phố T ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 4005520049 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 18.647.000 đồng.

Ngày 02/11/2020, T1 mang theo giấy CMND số: 272551309 và Giấy phép lái xe số: 241173000724 của chị Nguyễn Thị Hương L đã được T1 thay ảnh của T1 đến Cửa hàng T12, địa chỉ tại số B đường Y, phường P, thành phố T ký kết Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 4005716253 với Công ty T8, để vay và chiếm đoạt số tiền 21.621.000 đồng.

Ngày 04/11/2020, T1 mang theo giấy CMND số: 3642206059 và Giấy phép lái xe số: 3642206059 của chị Lê Thị N đã được T1 thay ảnh của T1 đến Cửa hàng T12, địa chỉ tại số G, Đại lộ B, phường P, thành phố T ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 4006244153 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 19.593.000 đồng.

Ngày 07/12/2020, T1 mang theo giấy CMND số: 215259594 và Giấy phép lái xe số: AQ774604 của chị Lê Thị Thùy D2 đã được T1 thay ảnh của T1 đến của hàng Điện máy xanh, địa chỉ tại số E, đường C, phường P, thành phố T ký Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 4006293350 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 20.993.000 đồng.

Ngày 13/01/2021, T1 mang theo giấy CMND số: 361823452 và Giấy phép lái xe số: 741119002111 của chị Võ Thị Minh N1 đã được T1 thay ảnh của T1 đến Bưu cục T14, địa chỉ tại số C, tổ C, khu phố A, phường P, thành phố T ký kết Hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số: 4100207282 với Công ty T8 để vay và chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng.

Tổng cộng Đỗ Thị T1 đã chiếm đoạt Công ty T8 số tiền 236.490.000 đồng.

Ngày 16/4/2021, đại diện hợp pháp của Công ty T8 gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tố cáo hành vi của Đỗ Thị T1 và Nguyễn Ngọc T. Đồng thời, yêu cầu Đỗ Thị T1 phải bồi thường số tiền 236.490.000 đồng và Nguyễn Ngọc T phải bồi thường số tiền 49.369.000 đồng đã chiếm đoạt.

Tại Kết luận giám định số 374/KL-KTHS ngày 31/8/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận:

1. Chữ ký viết tên "Trúc", "P1", "M" và chữ viết họ tên "Lê Thị T4", "Nguyễn Bích P1", "Nguyễn Thị Trúc M" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4, A9 đến A13 và A25) so với chữ ký, chữ viết thực nghiệm của Đỗ Thị T1 trên 03 (ba) "Biên bản thu mẫu giám định", đề cùng ngày 19/8/2022 (ký hiệu từ M1 đến M3) do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký viết tên "P", "Kiệt", "D2", "T3", "H2" và chữ viết họ tên "Trương Thành P", "Đoàn Văn K1", "Lưu Ngọc D", "Bùi Phi Hồng T3", "Trần Quốc H2" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A5 đến A8 và từ A14 đến A24) so với

chữ ký, chữ viết thực nghiệm của Nguyễn Ngọc T trên 05 "Biên bản thu mẫu giám định", đề cùng ngày 19/8/2022 (ký hiệu từ M4 đến M8) do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra xác định: Các giấy tờ của những người trên có được là do T1 và T mua của các đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch; sau khi mua về T1, T tự chỉnh sửa, thay đổi ảnh của T1, T rồi đem đến các địa điểm nêu trên để ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp với Công ty T8 rồi chiếm đoạt tiền; hành vi của T1 và T là độc lập không có sự bàn bạc, hỗ trợ hay giúp sức nhau để thực hiện cũng như chia nhau tiền chiếm đoạt. Sau khi ký xong hợp đồng, vay được tiền thì T1 và T đã vứt bỏ các loại giấy tờ trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không thu hồi được.

Ngoài các hành vi nêu trên, thì T và T1 đã cùng nhau thực hiện các hành vi như sau:

Ngày 24/6/2021, chị Nguyễn Thị T2 đến Công an phường P, thành phố T báo bị trộm tài sản ở phòng trọ tại số A, đường số H, Khu phố B, phường P, thành phố T, tài sản bị mất, gồm: giấy CMND số 186969837 mang tên Nguyễn Thị T2 do Công an tỉnh N cấp ngày 13/12/2007; giấy CMND số 352685603 mang tên Nguyễn Thị T2 do Công an tỉnh A cấp ngày 29/6/2018; Thẻ bảo hiểm y tế có mã số DN4747412103657 mang tên Nguyễn Thị T2; Giấy xác nhận CMND số 591/XN-PC06-Đ2 do Công an tỉnh A cấp ngày 02/7/2018 mang tên Nguyễn Thị T2; Giấy phép lái xe hạng A1 số AH 602639 mang tên Nguyễn Thị T2; thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị Thùy; điện thoại di động hiệu Oppo R9 Plus, màu vàng; điện thoại di động hiệu Iphone 7Plus; 01 nhẫn vàng 18K; 01 dây chuyền vàng 18K; máy tính xách tay hiệu Dell Core i5, màu đen; 01 tai nghe không dây Airpods 3 và số tiền 250.000 đồng. Công an phường P đến hiện trường lập hồ sơ ban đầu. Ngày 26/6/2021, Công an phường P chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 01/7/2021, Công ty T9 (viết tắt là Công ty T9), có địa chỉ tại số B, đường Y, phường P, thành phố T báo tin cho Công an thành phố T về việc khách hàng đến lập hồ sơ vay số tiền 200.000.000 đồng có biểu hiện nghi vấn do sử dụng Giấy phép lái xe hạng A1 số AH 602639 và giấy CMND số 352685603 mang tên Nguyễn Thị T2 có dấu hiệu bị sửa chữa. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 01/7/2021, Công an thành phố T phối hợp với Công an phường P tiến hành làm việc với Đỗ Thị T1, T1 khai đã cùng chồng là Nguyễn Ngọc T thực hiện việc sửa chữa và sử dụng các loại giấy tờ trên để làm thủ tục vay tiền của Công ty T9. Cơ quan Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T1, thu giữ vật chứng, gồm: 01 Hợp đồng số 70174178 vay số tiền 200.000.000 đồng do Đỗ Thị T1 ký tên trên Hợp đồng vay tiền là Nguyễn Thị T2; giấy CMND số 186969837 mang tên Nguyễn Thị Thùy do Công an tỉnh N cấp ngày 13/12/2007; giấy CMND số 352685603 mang tên Nguyễn Thị T2 do Công an tỉnh A cấp ngày 29/6/2018; Giấy phép lái xe hạng A1 số AH 602639 mang tên Nguyễn Thị T2; Thẻ bảo hiểm y tế có mã số DN4747412103657 mang tên Nguyễn Thị Thùy; giấy xác nhận CMND số 591/XN-PC06-Đ2 do Công an tỉnh A cấp ngày 02/7/2018 mang tên Nguyễn Thị

T2; Giấy sao kê tài khoản số 0461000426623 ngày 24/6/2021 mang tên Nguyễn Thị Thùy của Ngân hàng V; điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51; T5 xác nhận vay số tiền 200.000.000 đồng ký tên Nguyễn Thị T2.

Ngày 02/7/2021, Công an thành phố T khám xét nơi ở của T1 và T tại Khu phố B, phường P, thành phố T thu giữ các vật chứng, gồm: 01 điện thoại hiệu Oppo R9 Plus; 01 điện thoại hiệu S1; 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy A71; 01 xe môtô hiệu Honda Vario 150, màu nâu-đen, chưa có biển số và 01 xe môtô hiệu Honda Air B, màu trắng-đỏ-đen, biển số 61B2-226.51.

Quá trình điều tra, Đỗ Thị T1 và Nguyễn Ngọc T cùng khai nhận:Khoảng 06 giờ ngày 24/6/2021, khi T1 đang ngủ trong phòng trọ thì Nguyễn Văn C2, sinh năm 1992, cư trú tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang đến. C2 lấy ra 05 điện thoại di động và nói với T "Mới đi làm về có được"; T biết các điện thoại này do C2 trộm được nhưng vẫn mua 01 điện thoại hiệu Oppo R9 Plus, với giá là 1.000.000 đồng và điện thoại hiệu S1 Galaxy Wide 2, với giá là 500.000 đồng. Sau đó, C2 đưa cho T các loại giấy tờ mang tên Nguyễn Thị T2, C2 nói với T "Lấy các giấy tờ này đem đi vay tiền, nếu vay được thì cho C2 tiền cà phê"; T đã lấy các giấy tờ Chờ đưa, gồm: 01 giấy CMND số 186969837 mang tên Nguyễn Thị T2 do Công an tỉnh N cấp ngày 13/12/2007; 01 giấy CMND số 352685603 mang tên Nguyễn Thị T2 do Công an tỉnh A cấp ngày 29/6/2018; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số AH 602639 mang tên Nguyễn Thị T2; 01 Thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị T2; 01 Giấy xác nhận CMND số 591/XN-PC06-Đ2 do Công an tỉnh A ký ngày 02/7/2018 mang tên Nguyễn Thị T2 và 01 Giấy sao kê tài khoản số 0461000426623 ngày 24/6/2021 của chị Nguyễn Thị T2 tại Ngân hàng V.

Đến ngày 26/6/2021, T và T1 cùng bàn bạc sửa chữa giấy CMND số 352685603 do Công an tỉnh A cấp ngày 29/6/2018 và Giấy phép lái xe hạng A1 số AH 602639 mang tên Nguyễn Thị T2 bằng cách bóc tách và tháo hình ảnh của chị T2 trên giấy CMND và Giấy phép lái xe ra và dán ảnh của T1 vào để đi vay tiền. Sau đó, T1 dùng điện thoại Samsung Galaxy A51 gọi cho nhân viên của Công ty T9 để được hướng dẫn làm thủ tục vay tiền. Sau khi được hướng dẫn, T1 nói T viết thư xác nhận vay số tiền 200.000.000 đồng để T1 ký tên người vay là Nguyễn Thị T2. Ngày 28/6/2021, T1 cầm hồ sơ đến Công ty T9 ký Hợp đồng vay số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 01/7/2021, trong lúc T1 đang hoàn tất thủ tục vay tiền thì bị bắt quả tang.

Tại Kết luận định giá tài sản số 153/KLTS-TTHS ngày 27/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận:01 điện thoại di động hiệu Oppo R9 Plus trị giá 5.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, trị giá 7.000.000 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell Core i5, trị giá 3.000.000 đồng; 01 tai nghe không dây Airpods 3, trị giá 4.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chị Nguyễn Thị T2 bị chiếm đoạt là 19.000.000 đồng.

Ngày 20/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc điện thoại di động hiệu Oppo R9 Plus cho chị T2. Đối với điện thoại di động Samsung Galaxy Wide 2 và các giấy tờ của chị T2, quá trình điều tra xác định, đây là các vật chứng liên quan đến vụ án trộm cắp tài

sản của chị T2. Do chưa xác định được người thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 03/QĐ-CQCSĐT-HS ngày 20/4/2022, kèm theo các vật chứng để tiếp tục điều tra.

Về chiếc xe môtô hiệu Honda Air Blade, màu trắng-đỏ-đen, biển số 61B2-226.51 là tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc B, bà B là mẹ ruột của T cho vợ chồng T mượn xe làm phương tiện đi lại. Việc T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, bà B không biết nên Công an thành phố T đã trả xe lại cho bà B.

Tại Kết luận giám định số 280/KL-KTHS ngày 24/6/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận: 01 Giấy phép lái xe số AH 602639 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 352685603 của chị Nguyễn Thị T2 đã bị thay ảnh.

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Ngọc T và Đỗ Thị T1 trên địa bàn thị xã B, như sau:

Ngày 29/6/2021, T bàn với T1 dùng giấy CMND của chị Nguyễn Thị T2 (đã thay ảnh của T1) đi mua xe trả góp; sáng ngày 30/6/2021, T1 gọi điện đến Công ty T10 hỏi về thủ tục mua xe môtô trả góp, nhân viên của công ty đã hướng dẫn T1 chuẩn bị hồ sơ mua xe, gồm: Giấy phép lái xe; giấy CMND; Thẻ bảo hiểm y tế và sao kê tài khoản ngân hàng. Khoảng 12 giờ ngày 30/6/2021, T1 và T đến Công ty T10 mua chiếc xe môtô hiệu Honda Vario 150, màu nâu-đen với giá 59.500.000 đồng, trả góp thông qua vay tiền của Công ty T11 JACCS (viết tắt là Công ty J); khi mua xe, T1 và T sử dụng giấy CMND số 352685603 mang tên Nguyễn Thị T2 đã được sửa chữa dán ảnh của T1 để làm thủ tục, gồm:

- Hợp đồng kinh tế số 04.2100889 ngày 30/6/2021 và Phiếu thu số 04.21.0001737 ngày 30/6/2021 với Công ty T10 về việc thanh toán trước số tiền 5.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 16120001890324000 ngày 01/7/2021, Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn và xác nhận của các bên liên quan đến việc xác lập hợp đồng vay trả góp số tiền 54.500.000 đồng với Công ty J.

Tất cả các chữ ký trên những văn bản nêu trên đều được T1 ký và ghi tên Nguyễn Thị T2, nội dung các văn bản thể hiện thông tin khách hàng là Nguyễn Thị T2, sinh ngày 09/11/1990, hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, nơi cư trú: Đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi hoàn tất hồ sơ mua bán xe, Công ty T10 giữ lại bản chính giấy CMND số 352685603 mang tên Nguyễn Thị T2 để đăng ký phương tiện, lập thủ tục giải ngân; đồng thời, bàn giao xe môtô hiệu Honda Vario 150 cho T1 và T. Tối ngày 30/6/2021, T quay lại Công ty T10 xưng là Nguyễn Thanh T6 (chồng chị T2) nói với nhân viên công ty cho mượn lại giấy CMND của vợ tên Nguyễn Thị T2 để giải quyết việc gia đình gấp và hẹn đến ngày 01/7/2021 sẽ trả lại; nhân viên công ty T15 nên đã đưa cho T.

Do T không đến giao lại bản chính giấy CMND, nên Công ty T10 cử nhân viên đi xác minh tại địa chỉ: Đường B, khu phố B, phường B, thành phố T nhưng không có khách hàng nào tên Nguyễn Thị T2 đang sinh sống; khi đến Công ty TNHH L1, địa chỉ tại lô CN12, CN13, đường N, Khu Công nghiệp K, phường P, thành phố T thì biết được chị T2 không phải là người mua xe, nên đã đến Công an thành phố T trình báo.

Ngày 25/8/2021, Công an thành phố T chuyển xe môtô Honda Vario 150 đến Công an thị xã B để điều tra theo thẩm quyền; ngày 27/12/2021, Công an thị xã B ra Quyết định khởi tố vụ án và các Quyết định khởi tố bị can đối với T và T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; ngày 25/02/2022, Công an thị xã B chuyển hồ sơ vụ án, cùng vật chứng đến Công an thành phố T để nhập vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 140/KLTS-TTHS ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: Xe môtô hiệu Honda Vario 150, màu nâu-đen, chưa có biển số, số khung: MH1KF412XMK176069, số máy KF41E2179875, chưa qua sử dụng, trị giá 59.500.000 đồng; ngày 26/02/2022, Công an thành phố T trả lại chiếc xe trên cho Công ty T10. Công ty Thanh Vương Phát không yêu cầu T1 và T bồi thường thiệt hại và giao nộp số tiền 5.000.000 đồng mà T1 và T đã trả khi mua xe.

Đối với đối tượng Nguyễn Văn C2; ngày 15/8/2021, Công an thành phố T đã ra Quyết định truy tìm số 39/QĐ-CQCSĐT-HS, nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả, Công an thành phố T đang tiếp tục điều tra để xử lý sau.

Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A71.

Tại Cáo trạng số 206/CT-VKSTDM-HS ngày 23/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174, điểm a, b khoản 2 Điều 340 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đỗ Thị T1 về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức", quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm a, b khoản 2 Điều 340 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; truy tố bị cáo Đỗ Thị T1 về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức"; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 08 đến 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản"; căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức"; căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thị T1 từ 8 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thị T1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại hiệu Samsung Galaxy A51, điện thoại Samsung Galaxy A71 và số tiền 5.000.000 đồng đã thu giữ của các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo T bồi thường 49.369.000 đồng và buộc bị cáo T1 bồi thường 236.490.000 đồng cho Công ty T8.

Tại phần tranh luận, bị cáo T và T1 không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã đề nghị. Đại diện hợp pháp của Công ty T8 không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt chobị cáo để sớm trở về chăm sóc gia đình.

Bị cáo Đỗ Thị T1 nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái với pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T và Đỗ Thị T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp

với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vu liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra; biên bản thực nghiệm điều tra; kết luận giám định; vật chứng của vụ án và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Từ ngày 20/5/2018 đến ngày 16/6/2019, T đã có hành vi sửa chữa giấy CMND và Giấy phép lái xe của 05 người để ký 05 đồng tín dụng tiêu dùng trả góp với Công ty T8 vay và chiếm đoạt số tiền 49.369.000 đồng; từ ngày 06/6/2018 đến ngày 13/01/2021, T1 đã có hành vi sửa chữa các giấy CMND, căn cước công dân và Giấy phép lái xe của 09 người để ký 09 hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp với Công ty T8 vay và chiếm đoạt số tiền 236.490.000 đồng. Ngày 26/6/2021, T và T1 đã có hành vi bàn bạc và cùng thay ảnh của T1 vào ảnh của chị T2 trên giấy CMND và giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị T2 để mua chiếc xe môtô hiệu Honda Vario 150 trị giá 59.500.000 đồng của Công ty T10. Ngày 01/7/2021, T và T1 đã có hành vi bàn bạc sử dụng giấy CMND và giấy phép lái xe của chị T2 (đã được thay ảnh của T1) để ký hợp đồng vay 200.000.000 đồng của Công ty T9, khi T1 đang hoàn tất thủ tục để nhận tiền thì bị bắt quả tang. Ngày 24/6/2021, T biết điện thoại hiệu Oppo R9 Plus, trị giá 5.000.000 đồng của chị T2 do trộm được mà có nhưng vẫn mua với giá 1.000.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174; điểm a, b khoản 2 Điều 340 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đỗ Thị T1 về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm a, b khoản 2 Điều 340 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi sửa chữa và sử dụng giấy CMND, căn cước công dân và giấy phép lái xe của người khác để lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cần phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi sửa chữa và sử dụng giấy CMND và giấy phép lái xe của chị T2 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty T10 và Công ty T9 không có sự phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; tuy nhiên, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T1 phạm tội, nên bị cáo T có vai trò chính. Đối với hành vi sửa chữa và sử dụng giấy CMND, căn cước công dân và giấy phép lái xe để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty T8 của bị cáo T1 và T là độc lập.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên (đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản). Ngoài ra, bị cáo T đã bị kết án chưa chấp hành hình phạt tù mà tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty T10, Công ty T9 và mua điện thoại do người khác phạm tội mà có, nên thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, g, h (điểm h áp dụng với bị cáo T) khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đối với Công ty T9, do các bị cáo phạm tội chưa đạt nên cần áp dụng Điều 15 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, nên đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp và đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo T, phạm nhiều tội và chưa chấp hành hình phạt 09 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, nên cần quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt đối với phần hình phạt chưa chấp hành để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung. Đối với bị cáo Tiên phạm nhiều tội, nên cần quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[9] Về vụ án trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị T2: Do chưa xác định được người thực hiện, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tách vụ án ra để tiếp tục điều tra giải quyết sau là đúng pháp luật.

[10] Đối với đối tượng Nguyễn Văn C2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định truy tìm, nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra để xử lý sau.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty T8. Do Công ty T9 và Công ty T10 không yêu cầu các bị cáo phải thường thiệt hại, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[12] Về vật chứng của vụ án: Các bị cáo đã sử dụng điện thoại Samsung Galaxy A51, điện thoại Samsung Galaxy A71 và số tiền 5.000.000 đồng (mua xe của Công ty T10) để phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với điện thoại Samsung Galasy Wide 2, các giấy tờ và thẻ ATM của chị T2, do Cơ quan điều tra đã tách vụ án ra để giải quyết, nên không đặt ra xử lý.

[13] Án phí dân sự và hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Tiên p các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức".

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g, h khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 03 (ba) năm tù về tội "Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (một) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt của ba tội và hình phạt 09 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 26/5/2020 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2021, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/11/2019 đến ngày 05/12/2019.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 15, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị T1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt của hai tội. Buộc bị cáo Đỗ Thị T1 phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Buộc Nguyễn Ngọc T phải bồi thường cho Công ty T8 số tiền 49.369.000 đồng (bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Buộc Đỗ Thị T1 phải bồi thường cho Công ty T8 số tiền 236.490.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

T7 tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Samsung Galaxy A51, màu xanh bị trầy màn hình, số IMEI: 352353/11/507784/1 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động); 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu hiệu Samsung Galaxy A71, màu xanh bị trầy màn hình, số IMEI: 353408/11/627836/5 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) và số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 152.22 ngày 05/9/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T*; giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1046038.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một).*

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 2.468.000 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đỗ Thị T1 phải chịu 11.824.500 đồng (mười một triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T và Đỗ Thị T1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trường